BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2016/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2016*

THÔNG TƯ
Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Thông tư này quy định quyết toán đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước, sau khi hoàn thành hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn.

Vốn nhà nước bao gồm: vốn đầu tư công, vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của Nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước.

b) Thông tư này không quy định đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định đầu tư. Các dự án này thực hiện lập báo cáo quyết toán và thẩm tra phê duyệt quyết toán theo quy định tại Thông tư hướng dẫn quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc xã, phường, thị trấn của Bộ Tài chính.

2. Đối tượng áp dụng:

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

3. Các tổ chức cá nhân có thể áp dụng quy định tại Thông tư này để lập báo cáo quyết toán và thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án không thuộc phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Mục tiêu của công tác quyết toán dự án hoàn thành

1. Công tác quyết toán dự án hoàn thành nhằm đánh giá kết quả quá trình đầu tư, xác định năng lực sản xuất, giá trị tài sản mới tăng thêm do đầu tư mang lại.

2. Công tác quyết toán dự án hoàn thành nhằm đánh giá việc thực hiện các quy định của Nhà nước trong quá trình đầu tư thực hiện dự án, xác định rõ trách nhiệm của chủ đầu tư, các nhà thầu, cơ quan cấp vốn, cho vay, kiểm soát thanh toán, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

3. Thông qua công tác quyết toán dự án hoàn thành, các cơ quan quản lý nhà nước rút kinh nghiệm, hoàn thiện cơ chế chính sách của nhà nước, nâng cao hiệu quả công tác quản lý vốn đầu tư trong cả nước.

Điều 3. Chi phí đầu tư được quyết toán

Chi phí đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp pháp thực hiện trong quá trình đầu tư xây dựng để đưa dự án vào khai thác, sử dụng. Chi phí hợp pháp là toàn bộ các khoản chi phí thực hiện trong phạm vi dự án, thiết kế, dự toán được duyệt; hợp đồng đã ký kết (đối với những công việc thực hiện theo hợp đồng) kể cả phần điều chỉnh, bổ sung được duyệt theo quy định và đúng thẩm quyền. Chi phí đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư được duyệt hoặc được điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết toán dự án thành phần, tiểu dự án; hạng mục công trình độc lập hoàn thành

1. Đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, các chương trình dự án có nhiều dự án thành phần hoặc tiểu dự án độc lập sử dụng (có quyết định phê duyệt dự án đầu tư riêng biệt) thì mỗi dự án thành phần hoặc tiểu dự án độc lập thực hiện lập báo cáo quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán như một dự án đầu tư độc lập theo quy định tại Thông tư này.

Sau khi toàn bộ dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, chương trình dự án hoàn thành; Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao quản lý dự án thành phần chính chịu trách nhiệm Báo cáo kết quả tổng quyết toán toàn bộ dự án (theo Mẫu số 09/QTDA kèm theo Thông tư này) gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; không phải kiểm toán quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán lại các dự án thành phần hoặc tiểu dự án đã được thẩm tra và phê duyệt theo quy định.

2. Đối với công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành đưa vào sử dụng, trường hợp cần thiết phải quyết toán ngay thì chủ đầu tư căn cứ quy mô, tính chất và thời hạn xây dựng công trình, báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định. Giá trị quyết toán của hạng mục công trình bao gồm: chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, các khoản chi phí tư vấn và chi khác có liên quan trực tiếp đến hạng mục đó. Sau khi toàn bộ dự án hoàn thành, chủ đầu tư tổng hợp giá trị quyết toán của công trình, hạng mục công trình vào báo cáo quyết toán toàn bộ dự án và xác định mức phân bổ chi phí chung cho từng hạng mục công trình thuộc dự án, trình người có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Quyết toán dự án đầu tư sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ

1. Việc quyết toán dự án đầu tư sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ tuân thủ các điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi mà Chính phủ hoặc Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trong trường hợp không trái với điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi, việc quyết toán dự án đầu tư sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3 Điều này.

2. Các dự án đầu tư xây dựng công trình, tiểu dự án hoặc hợp phần xây dựng công trình thực hiện quyết toán theo quy định tại Thông tư này. Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, các dự án đầu tư khác quyết toán theo quy định cụ thể tại Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết

toán năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp.

3. Đối với các chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật do phía nhà tài trợ trực tiếp quản lý vốn và triển khai thực hiện dự án thì chủ đầu tư quyết toán phần vốn đối ứng trong nước do chủ đầu tư quản lý thực hiện (nếu có); đồng thời ghi tăng giá trị tài sản tương ứng với phần vốn mà bên tài trợ bàn giao.

Điều 6. Quyết toán dự án đầu tư đặc thù

Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình đặc thù theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; trường hợp cần thiết ban hành quy định riêng, các Bộ, ngành, địa phương có dự án đề xuất và thống nhất với Bộ Tài chính để ban hành.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 7. Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành

1. Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành phải xác định đầy đủ, chính xác:

a) Nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án, chi tiết theo từng nguồn vốn đầu tư;

b) Tổng chi phí đầu tư đề nghị quyết toán, chi tiết theo cơ cấu (bồi thường hỗ trợ và tái định cư, xây dựng, thiết bị, quản lý dự án, tư vấn và các khoản chi phí khác);

c) Chi phí thiệt hại trong quá trình đầu tư;

d) Chi phí được phép không tính vào giá trị tài sản;

đ) Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư.

2. Biểu mẫu báo cáo quyết toán:

a) Đối với dự án hoàn thành, hạng mục công trình độc lập hoàn thành, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu gồm các Mẫu số: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07/QTDA kèm theo Thông tư này.

b) Đối với dự án quy hoạch sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển (nếu có), dự án dừng thực hiện vĩnh viễn không có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu gồm các Mẫu số: 03, 07, 08/QTDA kèm theo Thông tư này.

3. Nơi nhận báo cáo quyết toán: cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán; cấp trên trực tiếp của chủ đầu tư (nếu có); cơ quan kiểm soát cho vay, kiểm soát

thanh toán để xác nhận số vốn đã kiểm soát cho vay, kiểm soát thanh toán đối với dự án.

Điều 8. Hồ sơ trình duyệt quyết toán

Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan thẩm tra phê duyệt quyết toán. Hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:

1. Đối với dự án hoàn thành, hạng mục công trình hoàn thành; dự án dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản chính). Trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, tờ trình phải nêu rõ những nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất giữa chủ đầu tư và đơn vị kiểm toán độc lập;

b) Biểu mẫu báo cáo quyết toán theo quy định tại Điều 7 Thông tư này (bản chính);

c) Toàn bộ các văn bản pháp lý có liên quan theo Mẫu số 02/QTDA (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính);

d) Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm bản chính các tài liệu: hợp đồng xây dựng; các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; các văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phát sinh, thay đổi (nếu có); biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (quyết toán A-B); hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình đối với hợp đồng có công việc thi công xây dựng (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính); biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng; các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng;

đ) Biên bản nghiệm thu công trình hoặc hạng mục công trình độc lập hoàn thành đưa vào sử dụng, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản chính);

e) Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của đơn vị kiểm toán độc lập trong trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán (bản chính);

g) Kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, báo cáo kiểm toán của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước trong trường hợp các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp chủ đầu tư vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra; báo cáo tình hình chấp hành các báo cáo trên của chủ đầu tư.

2. Đối với dự án quy hoạch sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển (nếu có); dự án dừng thực hiện vĩnh viễn chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản chính);

b) Biểu mẫu Báo cáo quyết toán theo quy định tại Điều 7 Thông tư này (bản chính);

c) Toàn bộ các văn bản pháp lý có liên quan theo Mẫu số 02/QTDA (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính);

d) Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm bản chính các tài liệu: hợp đồng xây dựng; các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; các văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phát sinh, thay đổi (nếu có); biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (quyết toán A-B); biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng;

đ) Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của đơn vị kiểm toán độc lập trong trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán;

e) Kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, báo cáo kiểm toán của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước trong trường hợp các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp chủ đầu tư vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra; báo cáo tình hình chấp hành các báo cáo trên của chủ đầu tư.

3. Trong quá trình thẩm tra, khi cơ quan thẩm tra quyết toán có văn bản yêu cầu, chủ đầu tư có trách nhiệm xuất trình các tài liệu khác có liên quan để phục vụ công tác thẩm tra quyết toán.

4. Trường hợp nhà thầu không thực hiện quyết toán hợp đồng theo quy định, chủ đầu tư có văn bản yêu cầu nhà thầu thực hiện quyết toán hợp đồng hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ, tài liệu quyết toán hợp đồng kèm theo thời hạn thực hiện (theo Mẫu số 14/QTDA). Sau khi chủ đầu tư đã gửi văn bản lần thứ 03 đến nhà thầu, nhưng nhà thầu vẫn không thực hiện các nội dung theo yêu cầu; chủ đầu tư được căn cứ những hồ sơ thực tế đã thực hiện của hợp đồng để lập hồ sơ quyết toán (không cần bao gồm quyết toán A-B), xác định giá trị đề nghị quyết toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nhà thầu chịu hoàn toàn các tổn thất, thiệt hại (nếu có) và có trách nhiệm chấp hành quyết định phê duyệt quyết toán dự án của cấp có thẩm quyền.

Điều 9. Thẩm quyền phê duyệt, cơ quan thẩm tra quyết toán

1. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán:

a) Đối với dự án quan trọng quốc gia và các dự án quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư:

- Đối với dự án hoặc dự án thành phần sử dụng vốn đầu tư công: Người đứng đầu Bộ, ngành trung ương phê duyệt quyết toán đối với dự án hoặc dự án thành phần thuộc Bộ, ngành trung ương quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quyết toán đối với dự án hoặc dự án thành phần thuộc cấp tỉnh quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt quyết toán đối với dự án hoặc dự án thành phần thuộc cấp huyện quản lý.

- Chủ đầu tư phê duyệt quyết toán dự án hoặc dự án thành phần không sử dụng vốn đầu tư công.

- Sau khi quyết toán xong toàn bộ dự án, Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao quản lý dự án thành phần chính chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả quyết toán toàn bộ dự án báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Đối với các dự án còn lại, người quyết định đầu tư là người phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được ủy quyền hoặc phân cấp phê duyệt quyết toán đối với các dự án nhóm B, C cho cơ quan cấp dưới trực tiếp.

2. Cơ quan thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành:

a) Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp tỉnh quản lý: Sở Tài chính tổ chức thẩm tra.

b) Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp huyện quản lý: Phòng Tài chính - Kế hoạch tổ chức thẩm tra.

c) Đối với các dự án còn lại: Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán giao cho đơn vị có chức năng thuộc quyền quản lý tổ chức thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành trước khi phê duyệt.

Trường hợp cần thiết, cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định thành lập tổ công tác thẩm tra để thực hiện thẩm tra trước khi phê duyệt quyết toán; thành phần của tổ công tác thẩm tra quyết toán gồm đại diện của các đơn vị, cơ quan có liên quan trong quá trình tổ chức, thực hiện dự án.

Điều 10. Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành

1. Trường hợp người phê duyệt quyết toán yêu cầu kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trước khi thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án; chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu kiểm toán theo quy định của pháp luật về đấu thầu, ký kết hợp đồng kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật về hợp đồng. Chủ đầu tư, nhà thầu kiểm toán độc lập và các đơn vị có liên quan thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3 Điều này.

2. Nhà thầu kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành phải là các doanh nghiệp kiểm toán được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về thành lập và hoạt động doanh nghiệp tại Việt Nam. Khi thực hiện kiểm toán phải tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập cũng như các Chuẩn mực kiểm toán hiện hành. Khi kết thúc cuộc kiểm toán phải lập báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành với đầy đủ nội dung quy định của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

3. Đối với các dự án được cơ quan Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán:

a) Trường hợp Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán đảm bảo đủ nội dung quy định tại Điều 12 Thông tư này thì cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán dự án sử dụng kết quả báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước làm căn cứ để thẩm tra, không thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán quyết toán dự án.

b) Trường hợp Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán chưa đủ các nội dung quy định tại Điều 12 Thông tư này, chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán bổ sung theo yêu cầu của người phê duyệt quyết toán. Chi phí kiểm toán bổ sung được xác định tương tự như xác định chi phí kiểm toán đối với hạng mục công trình, gói thầu trong dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 Thông tư này. Cơ quan chủ trì thẩm tra sử dụng kết quả báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước và kết quả báo cáo kiểm toán của kiểm toán độc lập làm căn cứ để thẩm tra quyết toán dự án.

c) Trường hợp Kiểm toán Nhà nước có quyết định kiểm toán dự án khi chủ đầu tư và nhà thầu kiểm toán độc lập đang thực hiện hợp đồng kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành thì nhà thầu kiểm toán độc lập vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng kiểm toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và hợp đồng đã ký kết.

Điều 11. Thẩm tra quyết toán đối với dự án đã thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành

1. Trường hợp nhà thầu kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, cơ quan thẩm tra thực hiện thẩm tra theo các nội dung sau:

a) Kiểm tra tính pháp lý của hợp đồng kiểm toán, phạm vi kiểm toán, thời gian và thể thức thực hiện kiểm toán đối với dự án.

b) Đối chiếu nội dung báo cáo kết quả kiểm toán của dự án với nội dung kiểm toán theo quy định và Chuẩn mực kiểm toán về Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành (hiện nay là Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 1000 - Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành ban hành kèm theo Thông tư số 67/2015/TT-BTC ngày 08/5/2015 của Bộ Tài chính). Trong quá trình thẩm tra, trường hợp cơ quan thẩm tra quyết toán phát hiện kết quả kiểm toán có sai sót, không đảm bảo yêu cầu, không đủ nội dung theo quy định, cơ quan thẩm tra thông báo cho chủ đầu tư để yêu cầu nhà thầu kiểm toán thực hiện kiểm toán lại hoặc kiểm toán bổ sung.

c) Kiểm tra việc chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, những căn cứ pháp lý mà kiểm toán viên sử dụng để kiểm toán dự án.

d) Xem xét những kiến nghị, những nội dung mà chủ đầu tư không thống nhất với đơn vị kiểm toán độc lập.

đ) Kiểm tra việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước, cơ quan điều tra thực hiện thanh tra, kiểm tra, điều tra dự án. Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì thẩm tra báo cáo người phê duyệt quyết toán có văn bản xin ý kiến của các cơ quan liên quan để thống nhất hướng xử lý trước khi trình người có thẩm quyền quyết định.

2. Trường hợp cơ quan Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán đủ các nội dung quy định tại Điều 12 Thông tư này:

a) Đối chiếu nội dung báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước với báo cáo quyết toán dự án hoàn thành của chủ đầu tư để xác định việc tuân thủ các quy định pháp luật của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan; số liệu đề nghị quyết toán của chủ đầu tư với kết quả kiểm toán, làm cơ sở để trình cấp có thẩm quyền xem xét khi phê duyệt quyết toán.

b) Kiểm tra việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước; kết

quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước, cơ quan điều tra thực hiện thanh tra, kiểm tra, điều tra dự án. Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì thẩm tra báo cáo người phê duyệt quyết toán có văn bản xin ý kiến của các cơ quan liên quan để thống nhất hướng xử lý trước khi trình người có thẩm quyền quyết định.

Điều 12. Thẩm tra quyết toán đối với dự án, hạng mục công trình hoàn thành không kiểm toán báo cáo quyết toán

Cơ quan thẩm tra thực hiện thẩm tra theo quy định tại các Điều 13, 14, 15, 16, 17, 18 Thông tư này và lập báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành gồm những nội dung như sau:

1. Thẩm tra hồ sơ pháp lý;

2. Thẩm tra nguồn vốn đầu tư của dự án;

3. Thẩm tra chi phí đầu tư;

4. Thẩm tra chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản;

5. Thẩm tra giá trị tài sản hình thành qua đầu tư;

6. Thẩm tra tình hình công nợ, vật tư, thiết bị tồn đọng;

7. Xem xét việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước, cơ quan điều tra thực hiện thanh tra, kiểm tra, điều tra dự án;

8. Nhận xét, đánh giá, kiến nghị.

a) Nhận xét đánh giá việc chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư, xây dựng và đấu thầu; công tác quản lý chi phí đầu tư, quản lý tài sản đầu tư của chủ đầu tư; trách nhiệm của từng cấp đối với công tác quản lý vốn đầu tư dự án;

b) Kiến nghị về giá trị quyết toán và xử lý các vấn đề có liên quan.

Điều 13. Thẩm tra hồ sơ pháp lý

Căn cứ báo cáo theo Mẫu số 02/QTDA và tập các văn bản pháp lý liên quan của dự án, đối chiếu danh mục, trình tự thực hiện các văn bản pháp lý với các quy định của pháp luật để có nhận xét về:

1. Trình tự lập và duyệt văn bản, thẩm quyền phê duyệt văn bản;

2. Việc chấp hành trình tự đầu tư và xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng;

3. Việc chấp hành trình tự lựa chọn nhà thầu của các gói thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

4. Việc thương thảo và ký kết các hợp đồng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu so với các quy định của pháp luật về hợp đồng và quyết định trúng thầu; hình thức giá hợp đồng phải tuân thủ đúng quyết định trúng thầu của cấp có thẩm quyền và là cơ sở cho việc thẩm tra quyết toán theo hợp đồng.

Điều 14. Thẩm tra nguồn vốn đầu tư của dự án

Căn cứ báo cáo theo Mẫu số 01/QTDA, 03/QTDA trong báo cáo quyết toán; cơ quan thẩm tra thực hiện các bước sau:

1. Phân tích, so sánh cơ cấu vốn đầu tư thực hiện với cơ cấu vốn được xác định trong tổng mức vốn đầu tư được duyệt (Mẫu số 01/QTDA).

2. Đối chiếu số liệu vốn thanh toán hàng năm của chủ đầu tư và cơ quan thanh toán (Mẫu số 03/QTDA).

3. Kiểm tra việc điều chỉnh tăng, giảm vốn đầu tư của dự án đã được cấp có thẩm quyền cho phép so với chế độ và thẩm quyền quy định.

4. Nhận xét, đánh giá việc chấp hành các quy định về việc cấp vốn, thanh toán; việc quản lý và sử dụng các loại nguồn vốn đầu tư của dự án.

Điều 15. Thẩm tra chi phí đầu tư

Căn cứ tổng mức đầu tư được duyệt và báo cáo theo Mẫu số 04/QTDA-Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán theo công trình, hạng mục hoàn thành, cơ quan thẩm tra thực hiện thẩm tra lần lượt theo cơ cấu chi phí ghi trong tổng mức đầu tư: chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác.

1. Nguyên tắc thẩm tra:

a) Thẩm tra tính tuân thủ các quy định về hợp đồng xây dựng có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hợp đồng và quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của cấp có thẩm quyền; việc thẩm tra quyết toán căn cứ vào hình thức giá hợp đồng ghi trong từng hợp đồng xây dựng (không phân biệt hình thức lựa chọn nhà thầu). Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm tra quyết toán kiểm tra hồ sơ hoàn công để xác định khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu đúng quy định.

b) Trường hợp chi phí xây dựng công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công; chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công tại hiện trường được lập thiết kế, dự toán riêng cho hạng mục, tiến hành thẩm tra như thẩm tra gói thầu xây dựng độc lập.

c) Trường hợp chi phí xây dựng công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công; chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công tại hiện trường được tính theo tỷ lệ (%) trong gói thầu xây dựng chính (không lập thiết kế, dự toán riêng); tiến hành thẩm tra việc áp dụng tỷ lệ (%) trên cơ sở kết quả thẩm tra gói thầu xây dựng chính.

2. Thẩm tra chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

a) Thẩm tra chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do chủ đầu tư hoặc Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện: Đối chiếu giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư với dự toán kinh phí trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; dự toán chi phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra danh sách chi trả cho các tổ chức, cá nhân nhận tiền bồi thường đã có chữ ký xác nhận theo quy định để xác định giá trị quyết toán.

b) Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thực hiện: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

c) Trường hợp nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được tách thành tiểu dự án riêng và tổ chức thực hiện độc lập: việc lập báo cáo quyết toán và thẩm tra quyết toán thực hiện như một dự án đầu tư độc lập.

d) Trường hợp nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là hạng mục tách ra từ một dự án đầu tư, thành lập Ban quản lý dự án phần bồi thường, giải phóng mặt bằng riêng biệt với Ban quản lý dự án phần xây dựng: Ban quản lý dự án phần bồi thường, giải phóng mặt bằng chịu trách nhiệm quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; gửi báo cáo quyết toán đã được phê duyệt tới chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình để lập báo cáo quyết toán chung trong toàn bộ dự án. Khi thẩm tra quyết toán toàn bộ dự án, không phải thẩm tra lại phần chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Trường hợp các công trình hạ tầng kỹ thuật đã có quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền, căn cứ quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền, văn bản yêu cầu thanh toán của chủ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật và chứng từ thanh toán để xác định giá trị chi phí cho phần hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư.

e) Trường hợp cần thiết phải thẩm tra để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán các công trình hạ tầng kỹ thuật thì việc thẩm tra tương tự như thẩm tra chi phí xây dựng nêu tại khoản 3 Điều này.

3. Thẩm tra chi phí xây dựng:

a) Thẩm tra đối với gói thầu do chủ đầu tư tự thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu:

Trường hợp chủ đầu tư ký kết hợp đồng với đơn vị hạch toán phụ thuộc để thực hiện gói thầu, việc thẩm tra gói thầu căn cứ vào hình thức giá hợp đồng và thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản này.

Trường hợp chủ đầu tư ký thỏa thuận giao việc cho một đơn vị thuộc chủ đầu tư để thực hiện gói thầu, việc thẩm tra thực hiện như sau:

- Đối chiếu các nội dung, khối lượng trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư với biên bản nghiệm thu khối lượng để xác định khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định;

- Đối chiếu sự phù hợp giữa đơn giá trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư với đơn giá trong dự toán được duyệt;

- Giá trị quyết toán bằng khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định nhân (x) với đơn giá đã thẩm tra.

b) Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức “hợp đồng trọn gói”:

- Đối chiếu nội dung công việc, khối lượng thực hiện trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và các yêu cầu của hợp đồng để xác định khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định;

- Đối chiếu đơn giá trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với đơn giá ghi trong bảng tính giá trị hợp đồng; khi nhà thầu thực hiện đầy đủ các yêu cầu, nội dung công việc, đúng khối lượng công việc hoàn thành và đơn giá ghi trong hợp đồng, bảng tính giá hợp đồng; thì giá trị quyết toán đúng bằng giá trọn gói của hợp đồng đã ký. Không chiết tính lại khối lượng cũng như đơn giá chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quyết định trúng thầu.

c) Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức "giá hợp đồng theo đơn giá cố định":

- Đối chiếu nội dung công việc, khối lượng thực hiện trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và các yêu cầu của hợp đồng để xác định khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định;

- Đối chiếu đơn giá trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với đơn giá cố định ghi trong bảng tính giá hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng;

- Giá trị quyết toán bằng khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định nhân (x) với đơn giá cố định ghi trong hợp đồng.

d) Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức "Giá hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh" (hoặc "Giá hợp đồng theo giá điều chỉnh"):

- Căn cứ điều kiện cụ thể của hợp đồng, xác định rõ phạm vi và phương thức điều chỉnh của hợp đồng;

- Trường hợp điều chỉnh về khối lượng phải căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành để xác định khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định;

- Trường hợp điều chỉnh về đơn giá phải căn cứ nguyên tắc điều chỉnh đơn giá ghi trong hợp đồng để xác định đơn giá quyết toán;

- Trường hợp điều chỉnh theo cơ chế chính sách của Nhà nước phải căn cứ nguyên tắc ghi trong hợp đồng, các cơ chế chính sách được áp dụng phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng (đã ghi trong hợp đồng) để xác định giá trị được điều chỉnh. Không điều chỉnh cho trường hợp kéo dài thời gian thực hiện so với thời gian trong hợp đồng đã ký do lỗi của nhà thầu gây ra;

- Giá trị quyết toán bằng khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định nhân (x) với đơn giá quyết toán.

đ) Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức "giá hợp đồng kết hợp":

Hợp đồng theo hình thức "Giá hợp đồng kết hợp" phải xác định rõ phạm vi theo công trình, hạng mục công trình hoặc nội dung công việc cụ thể được áp dụng hình thức hợp đồng cụ thể: trọn gói, đơn giá cố định hoặc đơn giá điều chỉnh. Việc thẩm tra từng phần của hợp đồng, theo từng hình thức hợp đồng, tương ứng với quy định tại các điểm b, c, d khoản này.

e) Thẩm tra các trường hợp phát sinh:

Thẩm tra các trường hợp phát sinh phải căn cứ các quy định về điều chỉnh hợp đồng xây dựng tương ứng với từng loại hợp đồng.

4. Thẩm tra chi phí thiết bị:

a) Thẩm tra đối với gói thầu do chủ đầu tư tự thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu:

Trường hợp chủ đầu tư ký kết hợp đồng với đơn vị hạch toán phụ thuộc để thực hiện gói thầu, việc thẩm tra gói thầu căn cứ vào hình thức giá hợp đồng và thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản này.

Trường hợp chủ đầu tư ký thỏa thuận giao việc cho một đơn vị thuộc chủ đầu tư để thực hiện gói thầu, việc thẩm tra thực hiện như sau:

- Đối chiếu danh mục, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, cấu hình, giá của thiết bị đề nghị quyết toán so với biên bản nghiệm thu và dự toán chi phí thiết bị được phê duyệt để xác định giá trị quyết toán phần mua sắm thiết bị;

- Thẩm tra chi phí gia công, lắp đặt thiết bị đối với thiết bị cần gia công, cần lắp đặt theo dự toán được duyệt và được nghiệm thu đúng quy định. Giá trị quyết toán bằng khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định nhân (x) với đơn giá đã thẩm tra;

- Thẩm tra các khoản chi phí liên quan: chi phí vận chuyển thiết bị từ nơi mua về đến chân công trình; chi phí lưu kho bãi, bảo quản, bảo dưỡng thiết bị, chi phí khác.

b) Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức "hợp đồng trọn gói": Đối chiếu danh mục, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, cấu hình, giá của thiết bị trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với các yêu cầu, danh mục, chủng loại, cấu hình, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, giá của thiết bị ghi trong hợp đồng, bảng tính giá hợp đồng và các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành của hợp đồng. Khi nhà thầu thực hiện đầy đủ các yêu cầu, nội dung công việc, đúng khối lượng thực hiện và quy định của hợp đồng thì giá trị quyết toán đúng bằng giá trọn gói của hợp đồng đã ký. Không chiết tính lại đơn giá chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quyết định trúng thầu.

c) Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức "giá hợp đồng theo đơn giá cố định":

- Đối chiếu danh mục, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, cấu hình của thiết bị trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với các yêu cầu, danh mục, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, cấu hình của thiết bị ghi trong hợp đồng, bảng tính giá hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng với biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện và các yêu cầu của hợp đồng để xác định khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định;

- Đối chiếu đơn giá trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với đơn giá cố định ghi trong bảng tính giá hợp đồng;

- Giá trị quyết toán bằng khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định nhân (x) với đơn giá cố định ghi trong hợp đồng.

d) Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức "Giá hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh" (hoặc "Giá hợp đồng theo giá điều chỉnh"):

- Căn cứ điều kiện cụ thể của hợp đồng, xác định rõ phạm vi và phương thức điều chỉnh của hợp đồng;

- Trường hợp điều chỉnh về khối lượng phải căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng để xác định khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định;

- Trường hợp điều chỉnh về đơn giá phải căn cứ nguyên tắc điều chỉnh đơn giá ghi trong hợp đồng để xác định đơn giá quyết toán;

- Trường hợp điều chỉnh theo cơ chế chính sách của Nhà nước phải căn cứ nguyên tắc ghi trong hợp đồng và các cơ chế chính sách được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng để xác định giá trị được điều chỉnh.

đ) Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức "giá hợp đồng kết hợp" cần xác định rõ phạm vi hoặc nội dung công việc cụ thể được áp dụng hình thức hợp đồng cụ thể: trọn gói, đơn giá cố định hoặc giá điều chỉnh. Việc thẩm

tra từng phần của hợp đồng, theo từng hình thức hợp đồng, tương ứng với quy định tại các điểm b, c, d khoản 4 Điều này.

e) Thẩm tra các trường hợp phát sinh:

Thẩm tra các trường hợp phát sinh phải căn cứ các quy định về điều chỉnh hợp đồng xây dựng tương ứng với từng loại hợp đồng.

5. Thẩm tra chi phí quản lý dự án

a) Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ: thực hiện theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ.

b) Đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách: Chi phí quản lý dự án và những khoản chi phí tư vấn đầu tư xây dựng do chủ đầu tư, ban quản lý tự thực hiện được quyết toán theo định mức trích theo công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc dự toán được duyệt.

c) Trường hợp dự án do chủ đầu tư, ban quản lý dự án quản lý 01 dự án thực hiện quản lý cần xem xét các chứng từ chi tiêu đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ theo quy định đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Việc quản lý tài sản của ban quản lý dự án khi dự án kết thúc thực hiện theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

6. Thẩm tra chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình và các chi phí khác:

a) Đối với các khoản chi phí tư vấn và chi phí khác tính theo định mức tỷ lệ %: kiểm tra các điều kiện quy định trong việc áp dụng định mức tỷ lệ % để xác định giá trị chi phí của từng loại công việc.

b) Đối với các khoản chi phí tư vấn và chi phí khác tính theo dự toán chi tiết được duyệt: đối chiếu giá trị đề nghị quyết toán với dự toán được duyệt, đánh giá mức độ hợp lý của các khoản chi phí.

c) Đối với các khoản chi phí tư vấn, chi phí phi tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian: đối chiếu đơn giá thù lao theo thời gian do chủ đầu tư và nhà thầu thoả thuận trong hợp đồng nhân với thời gian làm việc thực tế (theo tháng, tuần, ngày, giờ) để xác định mức thù lao phải trả cho nhà thầu. Các khoản chi phí đi lại, khảo sát, thuê văn phòng làm việc, chi khác căn cứ quy định về phương thức thanh toán ghi trong hợp đồng để thẩm tra (theo chứng từ hoá đơn hợp lệ hoặc theo đơn giá khoán đã thoả thuận trong hợp đồng).

Điều 16. Thẩm tra chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản

1. Thẩm tra các chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng được phép không tính vào giá trị tài sản theo các nội dung:

a) Xác định đúng theo các nguyên tắc, thủ tục quy định của Nhà nước về chi phí thiệt hại;

b) Giá trị thiệt hại theo Biên bản xác định phải được chủ đầu tư, đơn vị nhận thầu, tư vấn giám sát, nhà thầu bảo hiểm kiểm tra, xác nhận và kiến nghị xử lý.

2. Thẩm tra các khoản chi phí không tạo nên tài sản để trình cấp có thẩm quyền cho phép không tính vào giá trị tài sản như: Chi phí đào tạo, tăng cường và nâng cao năng lực cho cơ quan quản lý hoặc cộng đồng; chi phí các ban quản lý dự án ở Trung ương không liên quan trực tiếp đến tài sản được hình thành và bàn giao ở các địa phương.

Điều 17. Thẩm tra giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

1. Xác định số lượng và giá trị tài sản hình thành qua đầu tư của dự án, công trình hoặc hạng mục công trình độc lập, bao gồm: tài sản dài hạn (cố định) và tài sản ngắn hạn;

2. Việc phân bổ chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn, chi phí khác chung của toàn dự án cho từng tài sản cố định được xác định theo nguyên tắc: chi phí trực tiếp liên quan đến tài sản cố định nào thì tính cho tài sản cố định đó; chi phí chung liên quan đến nhiều tài sản cố định thì phân bổ theo tỷ lệ chi phí trực tiếp của từng tài sản cố định so với tổng số chi phí trực tiếp của toàn bộ tài sản cố định.

3. Trường hợp tài sản được bàn giao cho nhiều đơn vị sử dụng phải xác định đầy đủ danh mục và giá trị của tài sản bàn giao cho từng đơn vị.

Điều 18. Thẩm tra tình hình công nợ, vật tư, thiết bị tồn đọng

1. Thẩm tra xác định công nợ:

- Căn cứ kết quả thẩm tra chi phí đầu tư, báo cáo tình hình thanh toán cho các nhà thầu của chủ đầu tư để xác định rõ từng khoản nợ phải thu, nợ phải trả theo đúng đối tượng;

- Xem xét kiến nghị phương án xử lý đối với các khoản thu chưa nộp ngân sách, số dư tiền gửi, tiền mặt tại quỹ để kiến nghị biện pháp xử lý;

2. Kiểm tra xác định giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng:

- Kiểm tra giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng theo sổ kế toán đối chiếu với số liệu kiểm kê thực tế;

- Xem xét, kiến nghị phương án xử lý của chủ đầu tư đối với giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng;

- Căn cứ biên bản kiểm kê đánh giá tài sản của Ban quản lý dự án tính đến ngày lập báo cáo quyết toán, xác định số lượng, giá trị tài sản còn lại để bàn

giao cho đơn vị sử dụng hoặc xử lý theo quy định trong trường hợp dự án do chủ đầu tư, ban quản lý dự án quản lý 01 dự án thực hiện quản lý.

Điều 19. Thẩm tra quyết toán đối với dự án quy hoạch sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu

1. Thẩm tra hồ sơ pháp lý của dự án.

2. Thẩm tra nguồn vốn đầu tư thực hiện.

3. Thẩm tra chi phí đầu tư thực hiện chi tiết từng khoản chi phí phát sinh so với dự toán được duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức của nhà nước.

4. Thẩm tra tình hình công nợ của dự án.

5. Thẩm tra các khoản chi phí bị hủy bỏ, các khoản chi phí không tạo nên tài sản để trình cấp có thẩm quyền cho phép không tính vào giá trị tài sản.

6. Thẩm tra số lượng, giá trị tài sản hình thành sau đầu tư (nếu có).

Điều 20. Phê duyệt quyết toán

1. Sau khi thẩm tra quyết toán, cơ quan thẩm tra quyết toán lập hồ sơ trình duyệt quyết toán dự án hoàn thành để trình người có thẩm quyền phê duyệt. Hồ sơ trình phê duyệt quyết toán gồm có:

a) Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán.

b) Dự thảo quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và các tài liệu do chủ đầu tư trình (kèm theo).

c) Trường hợp thành lập Tổ công tác thẩm tra quyết toán, người thẩm tra báo cáo Tổ thẩm tra quyết toán kết quả thẩm tra; Tổ thẩm tra quyết toán tham gia hoàn chỉnh, thông qua báo cáo thẩm tra quyết toán của người thẩm tra để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Các tài liệu do chủ đầu tư trình (kèm theo):

- Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư;

- Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành của dự án;

- Báo cáo kiểm toán (nếu có);

- Kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, báo cáo kiểm toán của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước trong trường hợp các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp chủ đầu tư vi phạm

pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra; văn bản báo cáo tình hình chấp hành của chủ đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan đối với các kết luận trên.

2. Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán gồm các nội dung chính:

a) Khái quát toàn bộ dự án, những vấn đề đã được cấp có thẩm quyền quyết định trong quá trình đầu tư thực hiện dự án.

b) Tóm tắt kết quả các nội dung theo đúng trình tự thẩm tra quy định tại Thông tư này.

c) Kiến nghị giá trị phê duyệt quyết toán.

d) Kiến nghị giải quyết các tồn tại về nguồn vốn đầu tư, tài sản và công nợ sau khi quyết toán dự án.

3. Dự thảo quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo Mẫu số 10/QTDA kèm theo Thông tư này.

4. Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành được gửi cho các cơ quan, đơn vị: chủ đầu tư; cơ quan nhận tài sản; cơ quan quản lý cấp trên của chủ đầu tư; cơ quan cấp vốn, cho vay, thanh toán; Bộ Tài chính (đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư và dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách nhà nước); cơ quan quyết định đầu tư dự án.

Điều 21. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; chi phí kiểm toán độc lập

1. Xác định chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; chi phí kiểm toán độc lập:

Định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán và định mức chi phí kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư được duyệt (hoặc được điều chỉnh) của dự án cụ thể và tỷ lệ quy định tại Bảng Định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; chi phí kiểm toán dưới đây:

Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)	*≤ 5*	*10*	*50*	*100*	*500*	*1.000*	*≥ 10.000*
Thẩm tra, phê duyệt (%)	*0,95*	*0,65*	*0,475*	*0,375*	*0,225*	*0,15*	*0,08*
Kiểm toán (%)	*1,60*	*1,075*	*0,75*	*0, 575*	*0,325*	*0,215*	*0,115*

a) Định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (ký hiệu là K_{TTPD}) và định mức chi phí kiểm toán (ký hiệu là K_{KT}) được xác định theo công thức tổng quát sau:

$$Ki = Kb - \frac{(Kb - Ka) \times (Gi - Gb)}{Ga - Gb}$$

Trong đó:

+ Ki: Định mức chi phí tương ứng với dự án cần tính (đơn vị tính: %);

+ Ka: Định mức chi phí tương ứng với dự án cận trên (đơn vị tính: %);

+ Kb: Định mức chi phí tương ứng với dự án cận dưới (đơn vị tính: %);

+ Gi: Tổng mức đầu tư của dự án cần tính, đơn vị: tỷ đồng;

+ Ga: Tổng mức đầu tư của dự án cận trên, đơn vị: tỷ đồng;

+ Gb: Tổng mức đầu tư của dự án cận dưới, đơn vị: tỷ đồng.

b) Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán và chi phí kiểm toán của dự án được xác định theo công thức sau:

+ Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán tối đa = $K_{i\text{-}TTPD}$ % x Tổng mức đầu tư

+ Chi phí kiểm toán tối đa = $K_{i\text{-}KT}$ % x Tổng mức đầu tư + Thuế GTGT

+ Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán tối thiểu là năm trăm ngàn đồng; chi phí kiểm toán tối thiểu là một triệu đồng cộng với thuế GTGT.

c) Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; chi phí kiểm toán của hạng mục công trình hoặc gói thầu trong dự án được xác định như sau:

$$\text{Chi phí hạng mục} = \text{Mức chi phí của cả dự án} \times \frac{\text{Dự toán của HMCT}}{\text{Tổng mức đầu tư của dự án}}$$

d) Trường hợp dự án có cơ cấu vốn thiết bị chiếm từ 51% trở lên so với tổng mức đầu tư thì định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán và định mức chi phí kiểm toán được tính bằng 70% định mức quy định tại khoản 1 Điều này.

đ) Trường hợp dự án đã thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán thì định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được tính bằng 50% định mức quy định tại khoản 1 Điều này.

e) Trường hợp dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, chương trình dự án có các tiểu dự án hoặc dự án thành phần quyết định đầu tư riêng thì chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán và chi phí kiểm toán được tính như một dự án độc lập.

g) Đối với dự án, tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư độc lập, định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán và định mức chi phí kiểm toán được tính tối đa bằng 70% định mức quy định tại khoản 1 Điều này.

2. Quản lý, sử dụng chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán:

a) Khi thực hiện thẩm tra, cơ quan chủ trì thẩm tra có văn bản đề nghị chủ đầu tư thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo đúng tỷ lệ quy định tại khoản 1 Điều này. Nội dung chi cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán gồm:

- Chi trả thù lao cho các thành viên trực tiếp thực hiện thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo mức khoán hoặc theo thời gian;

- Chi trả cho các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn thực hiện thẩm tra quyết toán dự án trong trường hợp cơ quan chủ trì thẩm tra, phê duyệt quyết toán ký kết hợp đồng theo thời gian với các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn;

- Chi công tác phí, văn phòng phẩm, dịch thuật, in ấn, hội nghị, hội thảo, mua sắm máy tính hoặc trang bị phục vụ công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán;

- Các khoản chi khác có liên quan đến công tác quyết toán.

b) Cơ quan chủ trì thẩm tra, quyết toán được sử dụng chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo tỷ lệ tại khoản 1 Điều này, chi tiêu theo các nội dung quy định tại điểm a khoản này. Khoản kinh phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán đã được cơ quan kiểm soát thanh toán theo quy định, khi cơ quan thẩm tra chưa sử dụng hết trong năm, được phép chuyển sang năm sau để thực hiện.

3. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; chi phí kiểm toán được tính vào chi phí khác trong giá trị quyết toán của dự án.

4. Trong trường hợp chủ đầu tư thuê kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, đơn vị kiểm toán độc lập ngoại trừ khối lượng công việc không thực hiện; chủ đầu tư căn cứ điều kiện hợp đồng và các nội dung thực hiện để điều chỉnh giảm chi phí kiểm toán độc lập theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng công việc ngoại trừ.

Điều 22. Thời hạn quyết toán

Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành để trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán được tính từ ngày ký biên bản bàn giao đưa công

trình của dự án vào sử dụng. Thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán tính từ ngày nhận đủ hồ sơ quyết toán theo quy định tại Điều 8 Thông tư này. Thời gian tối đa quy định cụ thể như sau:

Dự án	QTQG	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm C
Thời hạn nộp HSQT trình phê duyệt quyết toán	09 tháng	09 tháng	06 tháng	03 tháng
Thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán	07 tháng	04 tháng	02 tháng	01 tháng

Điều 23. Chế độ báo cáo

1. Đối với dự án Trung ương quản lý:

a) Chậm nhất vào ngày 10 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và ngày 20 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm, chủ đầu tư báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành theo Mẫu số 12/QTDA gửi cơ quan cấp trên của chủ đầu tư và cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán.

b) Chậm nhất vào ngày 15 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và ngày 20 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán là cấp dưới của cấp bộ, ngành báo cáo tổng hợp tình hình quyết toán dự án hoàn thành theo Mẫu số 11/QTDA gửi cơ quan quản lý cấp bộ, ngành.

c) Chậm nhất vào ngày 20 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và ngày 30 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm, các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước báo cáo tổng hợp tình hình quyết toán dự án hoàn thành theo Mẫu số 11/QTDA gửi Bộ Tài chính.

2. Đối với dự án địa phương quản lý:

a) Chậm nhất vào ngày 10 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và ngày 15 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm, các chủ đầu tư, ban quản lý dự án báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành theo Mẫu số 12/QTDA gửi cơ quan cấp trên của chủ đầu tư và cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán.

b) Chậm nhất vào ngày 15 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và ngày 20 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm, Phòng Tài chính Kế hoạch quận, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh báo cáo tổng hợp tình hình quyết toán dự án hoàn thành theo Mẫu số 11/QTDA gửi Sở Tài chính.

c) Chậm nhất vào ngày 20 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và ngày 30 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm, Sở Tài chính báo cáo tổng hợp tình hình quyết toán dự án hoàn thành theo Mẫu số 11/QTDA gửi Bộ Tài chính.

3. Hàng năm, Bộ Tài chính tổng hợp tình hình quyết toán dự án hoàn thành trong cả nước theo Mẫu số 11/QTDA báo cáo Chính phủ.

Điều 24. Chế độ kiểm tra

1. Bộ Tài chính định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra tình hình thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành của các Bộ, ngành, địa phương trong cả nước. Trường hợp trong quá trình kiểm tra, phát hiện người phê duyệt quyết toán dự án đầu tư, chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu có sai sót, vi phạm về công tác quyết toán dự án hoàn thành, Bộ Tài chính lập biên bản, kiến nghị cơ quan chức năng xử lý, xử phạt theo quy định.

2. Bộ Tài chính tổ chức kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Thông tư số 157/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính quy định về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán.

3. Cơ quan tài chính các cấp: Định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra tình hình thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp trong quá trình kiểm tra, phát hiện người phê duyệt quyết toán dự án đầu tư, chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu có sai sót, vi phạm về công tác quyết toán dự án hoàn thành, cơ quan kiểm tra lập biên bản, kiến nghị cơ quan chức năng xử lý, xử phạt theo quy định. Các bộ, ngành, địa phương báo cáo kết quả kiểm tra tình hình thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành về Bộ Tài chính.

Điều 25. Xử lý vi phạm

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi thẩm tra quyết toán sai quy định tại Thông tư này gây lãng phí vốn đầu tư của Nhà nước bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

2. Chủ đầu tư, ban quản lý dự án có hành vi vi phạm quy định về quyết toán dự án hoàn thành: xử lý theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà ở và công sở.

3. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định về quyết toán dự án hoàn thành: xử lý theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà ở và công sở.

4. Thẩm quyền và thủ tục xử phạt

a) Đối với hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này theo quy định tại Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

b) Đối với các hành vi quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này theo quy định tại Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

5. Cấp trên của chủ đầu tư không giao dự án đầu tư mới cho chủ đầu tư, ban quản lý dự án có dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 24 tháng trở lên theo quy định tại Điều 22 Thông tư này.

Điều 26. Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

a) Đôn đốc, yêu cầu nhà thầu thực hiện quyết toán hợp đồng theo quy định.

b) Lập và quản lý hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành đúng quy định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán đúng thời gian quy định tại Điều 22 Thông tư này; cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan đến quyết toán dự án hoàn thành theo yêu cầu của kiểm toán viên khi kiểm toán báo cáo quyết toán và cơ quan thẩm tra quyết toán.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan thẩm tra quyết toán về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán; tính chính xác của khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán; tính phù hợp của đơn giá do chủ đầu tư và nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng.

d) Khi dự án hoàn thành được phê duyệt quyết toán, trường hợp số vốn được quyết toán thấp hơn số vốn đã thanh toán cho dự án, chủ đầu tư có trách nhiệm thu hồi của nhà thầu hoặc nhà cung cấp để nộp về ngân sách nhà nước số vốn đã thanh toán thừa; trường hợp số vốn được quyết toán cao hơn số vốn đã thanh toán cho dự án, chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán tiếp cho nhà thầu hoặc nhà cung cấp theo giá trị quyết toán được phê duyệt khi có kế hoạch vốn.

đ) Chịu trách nhiệm thu hồi hết số vốn đã tạm ứng theo quy định.

2. Trách nhiệm của các nhà thầu:

a) Thực hiện lập hồ sơ quyết toán hợp đồng, quyết toán giá trị thực hiện hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về hợp đồng xây

dựng ngay sau khi hoàn thành nội dung công việc trong hợp đồng; chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với số liệu và tính pháp lý đối với các tài liệu có liên quan trong hồ sơ quyết toán hợp đồng theo quy định.

b) Cùng với chủ đầu tư xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn tại theo hợp đồng đã ký kết; hoàn trả đầy đủ, kịp thời số vốn mà chủ đầu tư đã chi trả sai chế độ quy định.

c) Chịu trách nhiệm chấp hành quyết định phê duyệt quyết toán dự án của cấp có thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của nhà thầu kiểm toán:

a) Nhà thầu kiểm toán, kiểm toán viên khi thực hiện kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành phải chấp hành nguyên tắc hoạt động kiểm toán độc lập, có quyền hạn, nghĩa vụ và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, khách hàng và người sử dụng kết quả kiểm toán báo cáo quyết toán về nội dung và kết quả kiểm toán trong Báo cáo kiểm toán kiểm toán độc lập về báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

4. Trách nhiệm của cơ quan kiểm soát thanh toán, cho vay vốn đầu tư:

a) Kiểm tra, đối chiếu, xác nhận vốn đầu tư đã cho vay và thanh toán đối với dự án đảm bảo đúng quy định của Nhà nước; đồng thời có nhận xét, đánh giá, kiến nghị với cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán về quá trình đầu tư của dự án theo Mẫu số 03/QTDA.

b) Đôn đốc các chủ đầu tư làm thủ tục thanh toán các khoản nợ phải thu, nợ phải trả theo quyết định phê duyệt quyết toán, thu hồi hết số vốn đã tạm ứng theo chế độ quy định và tất toán tài khoản của các dự án đã phê duyệt quyết toán theo quy định.

5. Trách nhiệm của cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành kịp thời, đầy đủ nội dung biểu mẫu theo quy định. Cơ quan thẩm tra quyết toán không chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu đã nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán; không chịu trách nhiệm về đơn giá dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đơn giá trúng thầu đã được người quyết định trúng thầu quyết định, chủ đầu tư và nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng.

b) Tổ chức thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đầy đủ nội dung, yêu cầu theo quy định; hướng dẫn chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc phát

sinh trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành; chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả trực tiếp thẩm tra trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp.

6. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư, các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

b) Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư theo đúng thời hạn quy định; bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho dự án đã phê duyệt quyết toán.

c) Đôn đốc, tạo điều kiện pháp lý để chủ đầu tư hoàn thành việc giải quyết công nợ và tất toán tài khoản của dự án sau khi phê duyệt quyết toán.

7. Trách nhiệm của cơ quan tài chính các cấp:

a) Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về quyết toán vốn đầu tư; hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành; thanh tra, kiểm tra công tác quyết toán vốn đầu tư và quyết toán dự án hoàn thành trong cả nước; Trường hợp phát hiện có sai sót trong công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán, có quyền yêu cầu cấp phê duyệt quyết toán điều chỉnh lại cho đúng; đồng thời xử lý hoặc đề nghị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

b) Cơ quan tài chính các cấp hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra công tác quyết toán vốn đầu tư, quyết toán dự án hoàn thành thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp phát hiện vi phạm quy định trong công tác quyết toán vốn đầu tư, quyết toán dự án hoàn thành được xử lý hoặc đề nghị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

8. Trách nhiệm của các cơ quan khác:

Tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra, thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, kết quả đấu thầu và người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư, dự toán, tổng dự toán (nếu có) chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của khối lượng, tính phù hợp của đơn giá trong hồ sơ báo cáo kết quả thẩm tra, thẩm định theo quy định của pháp luật.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Xử lý chuyển tiếp

Các dự án đang triển khai quyết toán dở dang được xử lý như sau: Những công trình, hạng mục công trình đã nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành về cơ

quan thẩm tra quyết toán trước ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này, thực hiện thống nhất theo quy định tại Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước và Thông tư số 04/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính quy định Quy trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn Ngân sách nhà nước; những công trình, hạng mục công trình còn lại thực hiện thống nhất theo quy định tại Thông tư này.

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2016 và thay thế Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước và Thông tư số 04/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính quy định Quy trình Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn Ngân sách nhà nước.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Huỳnh Quang Hải

Mẫu số: 01/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH

Tên dự án:
Tên công trình, hạng mục công trình:
Chủ đầu tư :
Cấp quyết định đầu tư:
Địa điểm xây dựng:
Quy mô công trình: Được duyệt:..... Thực hiện.....
Tổng mức đầu tư được duyệt:.....
Thời gian khởi công - hoàn thành: Được duyệt:..... Thực hiện.....

I/ Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị: đồng

Tên nguồn vốn	Theo Quyết định đầu tư	Thực hiện	
		Kế hoạch	Đã thanh toán
1	2	3	4
Tổng cộng			
- Vốn NSNN - Vốn TD ĐTPT của Nhà nước - Vốn TD Nhà nước bảo lãnh - Vốn ĐTPT của đơn vị - ...			

II/ Tổng hợp chi phí đầu tư đề nghị quyết toán:

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung chi phí	Dự toán được duyệt	Đề nghị quyết toán	Tăng, giảm so với dự toán
1	2	3	4	5
	Tổng số			
1	Bồi thường, hỗ trợ, TĐC			
2	Xây dựng			
3	Thiết bị			
4	Quản lý dự án			
5	Tư vấn			
6	Chi khác			

III/ Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng:

2. Chi phí không tạo nên tài sản:

IV/ Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

STT	Nhóm	Giá trị tài sản (đồng)
	Tổng số	
1	Tài sản dài hạn (cố định)	
2	Tài sản ngắn hạn	

V/ Thuyết minh báo cáo quyết toán

1- Tình hình thực hiện dự án:

- Những thay đổi nội dung của dự án so với quyết định đầu tư được duyệt.:

+ Quy mô, kết cấu công trình, hình thức quản lý dự án, thay đổi Chủ đầu tư, hình thức lựa chọn nhà thầu, nguồn vốn đầu tư, tổng mức vốn đầu tư.

+ Những thay đổi về thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán được duyệt.

2- Nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện dự án:

- Chấp hành trình tự thủ tục quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước.
- Công tác quản lý vốn, tài sản trong quá trình đầu tư.

3- Kiến nghị:

....., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**CHỦ ĐẦU TƯ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số: 02/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ, HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

STT	Tên văn bản	Ký hiệu; ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Tổng giá trị được duyệt (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
I	Các văn bản pháp lý				
1					
2					
3					
...					
II	Hợp đồng xây dựng				
1					
2					
3					
...					

....., ngày... tháng... năm....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 03/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG ĐỐI CHIẾU
SỐ LIỆU CẤP VỐN, CHO VAY, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ
Nguồn vốn:.....

Tên dự án:

Tên công trình, hạng mục công trình:

Chủ đầu tư:

Tên cơ quan cho vay, thanh toán:

I/ Tình hình cấp vốn, cho vay, thanh toán:

Đơn vị: Đồng

S TT	Chỉ tiêu	Số liệu của chủ đầu tư			Số liệu của cơ quan thanh toán			Chênh lệch	Ghi chú
		Tổng số	Thanh toán KLHT	Tạm ứng	Tổng số	Thanh toán KLHT	Tạm ứng		
1	2			3		4		5	6
1	Luỹ kế số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán từ khởi công								
2	Chi tiết số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán hàng năm.								
	Năm...								
	Năm.....								

II/ Nhận xét, giải thích nguyên nhân chênh lệch, kiến nghị của cơ quan kiểm soát thanh toán:

1-Nhận xét về việc chấp hành trình tự quản lý đầu tư, chấp hành chế độ quản lý tài chính đầu tư:

.....

2- Giải thích nguyên nhân chênh lệch (nếu có):

.....

3- Kiến nghị:

.....

Ngày... tháng... năm....		*Ngày... tháng... năm...*	
CHỦ ĐẦU TƯ		**CƠ QUAN CẤP VỐN, CHO VAY, THANH TOÁN**	
KẾ TOÁN TRƯỞNG	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**	**TRƯỞNG PHÒNG**	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số: 04/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)

CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung chi phí	Dự toán được duyệt	Quyết toán A-B	Kết quả kiểm toán (nếu có)
1	2	3	4	5
	Tổng số			
I	**Bồi thường, hỗ trợ, TĐC**			
1				
2				
...				
II	**Xây dựng**			
1				
2				
...				
III	**Thiết bị**			
1				
2				
...				
IV	**Quản lý dự án**			
V	**Tư vấn**			
1				
2				
...				
VI	**Chi phí khác**			
1				
2				
...				

....., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số: 05/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)

TÀI SẢN DÀI HẠN (CỐ ĐỊNH) MỚI TĂNG

Đơn vị: đồng

STT	Tên và ký hiệu tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Tổng nguyên giá	Ngày đưa TSDH vào sử dụng	Nguồn vốn đầu tư	Đơn vị tiếp nhận sử dụng
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số							
1 2 ...								

....., ngày... tháng... năm....

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số: 06/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)

TÀI SẢN NGẮN HẠN BÀN GIAO

Đơn vị: đồng

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Giá trị	Đơn vị tiếp nhận sử dụng
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số					
1 2 ...						

....., ngày... tháng... năm....

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số: 07/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)

TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN

(Tính đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán)

Đơn vị: đồng

STT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị được A-B chấp nhận thanh toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
	1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số						
1							
2							
3							
...							

Ngày... tháng... năm....

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số: 08/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ HOÀN THÀNH

Của Dự án:.....

(Dùng cho dự án Quy hoạch sử dụng vốn đầu tư phát triển và dự án bị dừng thực hiện vĩnh viễn)

I-Văn bản pháp lý:

Số TT	Tên văn bản	Ký kiệu văn bản; ngày ban hành	Tên cơ quan duyệt	Tổng giá trị phê duyệt (nếu có)
1	2	3	4	5
	- Chủ trương lập quy hoạch hoặc chuẩn bị đầu tư dự án -Văn bản phê duyệt đề cương (đối với dự án quy hoạch) - Văn bản phê duyệt dự toán chi phí - Quyết định phê duyệt quy hoạch (đối với dự án quy hoạch)			
	- Quyết định hủy bỏ dự án			

II- Thực hiện đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nguồn vốn đầu tư	Được duyệt	Thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4
Tổng số			
- Vốn NSNN - Vốn khác			

2. Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán:

Đơn vị: đồng

Nội dung chi phí	Dự toán được duyệt	Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán	Tăng (+) Giảm (-)
1	2	3	4
Tổng số			

3. Số lượng, giá trị TSCĐ hình thành qua đầu tư, tên đơn vị tiếp nhận quản lý và sử dụng tài sản (nếu có):

III/ Thuyết minh báo cáo quyết toán:

1- Tình hình thực hiện:

- Thuận lợi, khó khăn
- Những thay đổi nội dung của dự án so chủ trương được duyệt.

2- Nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện dự án:

- Chấp hành trình tự thủ tục quản lý đầu tư và xây dựng của nhà nước
- Công tác quản lý vốn và tài sản trong quá trình đầu tư

3- Kiến nghị:

- Kiến nghị về việc giải quyết các vướng mắc, tồn tại của dự án

Ngày... tháng... năm....

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số: 09/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)

ĐƠN VỊ TỔNG HỢP BÁO CÁO
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN
DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA/DỰ ÁN NHÓM A/
CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN

Tên dự án:
Theo Nghị Quyết số... ngày... tháng... năm.... của....
Quy mô công trình chính:
Thời gian khởi công - hoàn thành công trình chính:
Tổng mức đầu tư được duyệt theo Quyết định số... ngày... tháng... năm... của... là:
Tổng mức đầu tư điều chỉnh theo Quyết định số... ngày... tháng... năm... của... là:
Đơn vị tổng hợp báo cáo (Bộ, địa phương chủ quản của dự án thành phần chính):
Đơn vị phê duyệt quyết toán các dự án thành phần, tiểu dự án, gồm:
...
Kết quả phê duyệt quyết toán toàn bộ dự án:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên dự án	Cấp quyết định phê duyệt QT	Chủ đầu tư	Giá trị DT (TDT) được duyệt	Giá trị DT (TDT) được điều chỉnh	Giá trị QT	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số						
1	Dự án chính - -						
2	Dự án thành phần - -						
3	Dự án thành phần - -						

....., ngày... tháng... năm....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 10/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày.... tháng.... năm....

QUYẾT ĐỊNH CỦA.....
Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

Căn cứ:.....

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

- Tên dự án:
- Tên công trình, hạng mục công trình:
- Chủ đầu tư:
- Địa điểm xây dựng:
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế):

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nguồn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
1	2	3	4
Tổng số			
- Vốn ngân sách nhà nước - Vốn TD ĐTPT của Nhà nước - Vốn TD Nhà nước bảo lãnh - Vốn ĐTPT của đơn vị - ...			

2. Chi phí đầu tư

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
1	2	3
Tổng số		
1. Bồi thường, hỗ trợ, TĐC		
2. Xây dựng		
3. Thiết bị		
4. Quản lý dự án		
5. Tư vấn		
6. Chi phí khác		

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

3.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng:

3.2. Chi phí không tạo nên tài sản:

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
1	2	3	4	5
Tổng số				
1- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)				
2- Tài sản ngắn hạn				

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
1	2	3
Tổng số		
- Vốn ngân sách nhà nước - Vốn TD ĐTPT của Nhà nước - Vốn TD Nhà nước bảo lãnh - Vốn ĐTPT của đơn vị - ...		

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày.... tháng.... năm.... là:

Tổng nợ phải thu:

Tổng nợ phải trả:

Chi tiết các khoản công nợ theo phụ lục số:..... kèm theo.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1	2	3

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:

4. Các nghiệp vụ thanh toán khác (nếu có)

Điều 4. Thực hiện

Nơi nhận:

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 11/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)

ĐƠN VỊ TỔNG HỢP BÁO CÁO
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH

6 tháng, cả năm....

1/ Dự án đã phê duyệt quyết toán trong kỳ báo cáo:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5	6	7
A	**Tổng cộng**					
	Nhóm A					
	Nhóm B					
	Nhóm C					
B	**Chi tiết theo các đơn vị cấp dưới**					
1	...					
	Nhóm A					
	Nhóm B					
	Nhóm C					
2	...					
	Nhóm A					
	Nhóm B					
	Nhóm C					
...						

2/ Dự án chưa phê duyệt quyết toán:

a) Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán

STT	Loại dự án	Dự án trong thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán			Dự án chậm phê duyệt quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm phê duyệt quyết toán từ 24 tháng trở lên			Ghi chú
		Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	
1	2	3	4	5	5	6	7	8	9	10	11
A	**Tổng cộng**										
	Nhóm A										
	Nhóm B										
	Nhóm C										
B	**Chi tiết theo đơn vị cấp dưới**										
1	...										
	Nhóm A										
	Nhóm B										
	Nhóm C										
2	...										
	Nhóm A										
	Nhóm B										
	Nhóm C										

b) Dự án chưa nộp hồ sơ quyết toán

STT	Loại dự án	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án chậm nộp báo cáo quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 24 tháng trở lên			Ghi chú
		Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	
1	2	3	4	5	5	6	7	8	9	10	11
A	**Tổng cộng**										
	Nhóm A										
	Nhóm B										
	Nhóm C										
B	**Chi tiết theo đơn vị cấp dưới**										
1	...										
	Nhóm A										
	Nhóm B										
	Nhóm C										
2	...										
	Nhóm A										
	Nhóm B										
	Nhóm C										

4/ Kiến nghị về công tác quyết toán dự án hoàn thành:

Ngày... tháng... năm....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 12/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH
6 tháng, cả năm....

1/ Dự án đã phê duyệt quyết toán trong kỳ báo cáo:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng cộng					
I	Nhóm A					
1						
2						
...						
II	Nhóm B					
1						
2						
...						
III	Nhóm C					
1						
2						
...						

2/ Dự án chưa phê duyệt quyết toán:

a) Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán

STT	Loại dự án	Dự án trong thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán			Dự án chậm phê duyệt quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm phê duyệt quyết toán từ 24 tháng trở lên			Ghi chú
		Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	
1	2	3	4	5	5	6	7	8	9	10	11
A	**Tổng cộng**										
	Nhóm A										
	Nhóm B										
	Nhóm C										
B	**Chi tiết theo đơn vị cấp dưới**										
1	...										
	Nhóm A										
	Nhóm B										
	Nhóm C										
2	...										
	Nhóm A										
	Nhóm B										
	Nhóm C										

b) Dự án chưa nộp hồ sơ quyết toán

STT	Loại dự án	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án chậm nộp báo cáo quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 24 tháng trở lên			Ghi chú
		Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	
1	2	3	4	5	5	6	7	8	9	10	11
A	**Tổng cộng**										
	Nhóm A										
	Nhóm B										
	Nhóm C										
B	**Chi tiết theo đơn vị cấp dưới**										
1	...										
	Nhóm A										
	Nhóm B										
	Nhóm C										
2	...										
	Nhóm A										
	Nhóm B										
	Nhóm C										

4/ Kiến nghị về công tác quyết toán dự án hoàn thành:

Ngày... tháng... năm....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 13/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)

CƠ QUAN THẨM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU GIAO NHẬN

Hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành

Chủ đầu tư/BQLDA :
Tên dự án :
Mã dự án :
Công trình (HMHT) :
Tổng vốn đầu tư :
Thời gian khởi công :..... Thời gian hoàn thành
Cấp quyết định đầu tư:
Ngày lập báo cáo quyết toán:
Ngày nộp hồ sơ :..... tháng ..... năm.....

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
	I - Hồ sơ đã nộp:		
1	Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư ngày.... tháng.... năm.....		
2	Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành gồm.... biểu báo cáo theo quy định.		
3	Các văn bản pháp lý có liên quan theo Mẫu số 02/QTDA (*ghi rõ số/ký hiệu nếu để rời, ghi tổng số nếu đóng quyển*)		
4	- Tập các hợp đồng: (*ghi rõ số/ký hiệu nếu để rời, ghi tổng số nếu đóng quyển)* - Biên bản thanh lý hợp đồng (*nếu có, ghi rõ của hợp đồng nào).*		
5	Tập các biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng công trình, nghiệm thu lắp đặt thiết bị; Biên bản nghiệm thu hoàn thành dự án, công trình hoặc hạng mục công trình để đưa vào sử dụng.		

6	Quyết toán khối lượng A-B, gồm có: - …		
7	- Báo cáo kết quả kiểm toán quyết toán dự án - Văn bản của chủ đầu tư về kết quả kiểm toán.		
8	- Kết luận thanh tra, Biên bản kiểm tra, Báo cáo kiểm toán (*Trường hợp không xảy ra đề nghị ghi rõ trong tờ trình*). - Báo cáo tình hình chấp hành kết luận.		
	II - Hồ sơ còn thiếu:		
1			
…			
	III - Hồ sơ cần bổ sung:		
1			
…			
Thời hạn hoàn chỉnh hồ sơ nộp trước ngày…. tháng…. năm…..			
Trong quá trình thẩm tra quyết toán, nếu thiếu hồ sơ, cơ quan thẩm tra sẽ có văn bản yêu cầu bổ sung. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. Thời gian quyết toán sẽ tính lại từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.			

Hai bên thống nhất lập phiếu giao nhận hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành với các nội dung trên đây./.

BÊN GIAO HỒ SƠ	**BÊN NHẬN HỒ SƠ**
(Ký, ghi đầy đủ họ tên)	*(Ký, ghi đầy đủ họ tên)*

Mẫu số: 14/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)

CƠ QUAN QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP CHỦ ĐẦU TƯ **CHỦ ĐẦU TƯ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /..... *V/v bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu quyết toán dự án (hạng mục, gói thầu)..... (lần .....)*	*....., ngày tháng năm.....*

Kính gửi:..... (nhà thầu)

Căn cứ Thông tư số ngày của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của..... về việc phê duyệt dự án..... và điều chỉnh, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của..... về việc trúng thầu (chỉ định thầu) dự án (hạng mục, gói thầu)..... và điều chỉnh, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Hợp đồng số..... ngày..... giữa..... (tên chủ đầu tư) với..... (tên nhà thầu) và Hợp đồng điều chỉnh, bổ sung (nếu có);

Căn cứ..... (nêu các căn cứ khác như văn bản cho phép kéo dài thời gian thực hiện Hợp đồng,.... (nếu có));

Căn cứ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, Biên bản thanh lý Hợp đồng (nếu có).

Để đảm bảo công tác lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án (hạng mục, gói thầu) đúng thời gian quy định;..... (chủ đầu tư) yêu cầu..... (nhà thầu) thực hiện các nội dung sau:

1. Về bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu còn thiếu hoặc chưa đảm bảo quy định: (ghi các hồ sơ, tài liệu còn thiếu và chưa đảm bảo theo quy định tại Điều ..... Thông tư số ngày của Bộ Tài chính);

2. Về thời gian nộp hồ sơ, tài liệu:

Đề nghị..... (nhà thầu) bổ sung, hoàn thiện các hồ sơ, tài liệu còn thiếu hoặc chưa đảm bảo quy định (nêu trên), gửi đến..... (chủ đầu tư) trước ngày..... *(sau* 10 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được văn bản theo dấu bưu điện).

Quá thời gian trên,..... (chủ đầu tư) chưa nhận được các hồ sơ, tài liệu còn thiếu hoặc chưa đảm bảo quy định (nêu trên);..... (chủ đầu tư) sẽ thực hiện tổng hợp quyết toán dự án hoàn thành (hạng mục, gói thầu) để báo cáo cấp thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt theo quy định; mọi tổn thất, thiệt hại (nếu có)..... (nhà thầu) hoàn toàn chịu tránh nhiệm.

.....(chủ đầu tư) có ý kiến để..... (nhà thầu) biết và tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận: - Như trên; - Người quyết định đầu tư (để báo cáo); - Cơ quan thẩm tra quyết toán; - Cơ quan thanh toán vốn đầu tư; - Lưu	**CHỦ ĐẦU TƯ** *(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*